

Bản án số: 60/2020/HS-PT
Ngày 21/9/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Đức Trí

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hoa

Ông Phạm Văn Tuệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà Mi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Tống Văn Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 88/2020/TLPT-HS, ngày 27 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo Chu Văn M và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 62/2020/HS-ST ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Chu Văn M, tên gọi khác: Không, sinh ngày 10/12/1982 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Số 229, đường N, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chu Văn S và bà Lưu Thị T; có vợ là Lương Thị T và 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Không bị xử lý hình sự, không bị xử phạt vi phạm hành chính, không bị xử lý kỷ luật; bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn từ ngày 27/9/2019 đến 12/12/2019 được thay thế bằng biện pháp cho bảo lãnh đến nay; có mặt.

2. Âu Chiến N, tên gọi khác: Không; sinh ngày 12/12/1993 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Âu Viết Đ và bà Âu Thị L; có vợ là Lăng Thúy N và 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Không bị xử lý hình sự, không bị xử phạt vi phạm hành chính, không bị xử lý kỷ luật; bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn từ ngày 26/9/2019 đến 12/12/2019 được thay thế bằng biện pháp cho bảo lãnh đến nay;

có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Chu Văn M:* Bà Triệu Thị Kim L - Luật sư thực hiện Trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Âu Chiến N:* Ông Triệu Quang H - Luật sư Văn phòng Luật sư T tại Lạng Sơn, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Chị Lăng Thuý N, sinh năm 1995; trú tại: Thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Lăng Thuý N:* Bà Nguyễn Kim V, Luật sư Văn phòng Luật sư T tại Lạng Sơn, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 09 giờ 00 phút ngày 26/9/2019 tổ công tác phòng An ninh đối ngoại và phòng An ninh điều tra, Công an tỉnh Lạng Sơn; Công an huyện Cao Lộc, phòng trinh sát bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh và Đồn Biên phòng B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn đang làm nhiệm vụ tại thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn phát hiện xe ô tô nhãn hiệu KENBO, màu đen chở 06 người (04 nam, 02 nữ) gồm: Anh Phùng Văn H, anh Nguyễn Văn M, anh Dương Văn T, anh Nguyễn Văn T, chị Hoàng Thị H đang di chuyển theo hướng cửa khẩu H đến khu vực biên giới xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Lái xe tên là Âu Chiến N. Lời khai ban đầu Âu Chiến N khai nhận đang trên đường đưa những người trên xuất cảnh sang Trung Quốc để làm thuê và được Chu Văn M trả tiền công 150.000đồng/người.

Tại cơ quan điều tra, Âu Chiến N khai: Khoảng đầu tháng 7/2019, Âu Chiến N đang bốc vác hàng đông lạnh tại bãi hàng ở thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn giáp biên giới Trung Quốc, tại đây Nam gặp người phụ nữ tên là L (Trú tại: Thôn C, Trung Quốc, đối diện với thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn), trước đó Nam và L đã quen biết và cả hai có Wechat của nhau, L bảo N đưa dẫn người sang Trung Quốc theo đường mòn ở xã B, huyện C và L sẽ trả tiền công là 45NDT/01 người, N đồng ý. L gửi số điện thoại cho N và cho biết người sử dụng số điện thoại này tên là M, M có khách xuất cảnh trái phép đi Trung Quốc, L bảo N liên lạc với M hỏi khi nào M đón được khách đi Trung Quốc thì đưa vào xã B giao cho N để N đưa vượt biên sang Trung Quốc cho L. Sau đó, N đã liên lạc với M, M cho biết khi nào có khách thì sẽ điện thoại để N đón, M thỏa thuận với N nếu bên Trung Quốc không trả tiền công thì M sẽ trả tiền công cho N là 150.000 đồng/01 người.

Khoảng 07 giờ ngày 26/9/2020, N đang ở nhà thì có Chu Văn M điện thoại bảo N ra khu vực gần sân bóng thị trấn Đ, huyện C đón 06 khách đi vào xã B, huyện C để đưa qua đường mòn biên giới giao cho một người phụ nữ tên L1. M sẽ trả công cho N 150.000đồng/người (trong đó 50.000 đồng là tiền xe N chở

và 100.000 đồng là tiền công dẫn họ qua biên giới). Khoảng 8h30 phút cùng ngày, N điều khiển xe ô tô KENBO, màu đen từ nhà ra thị trấn Đ, huyện C, khoảng 9 giờ kém thì N gặp M đi xe ô tô loại 07 chỗ chở 06 người khách đến điểm hẹn và bảo N đưa 06 người này qua biên giới. Khi N đang chở 06 người khách vào khu vực thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn thì bị bắt quả tang. Trên cơ sở lời khai của Âu Chiến N, cơ quan Công an tỉnh Lạng Sơn đã tiến hành tạm giữ đối với Chu Văn M.

Tại cơ quan điều tra Chu Văn M khai: Hai vợ chồng Chu Văn M bán hàng ăn tại quán cơm phở “M” tại số 86 đường N, phường Đ, thành phố L. Khoảng tháng 9/2018, có một số khách vào ăn cơm, trong đó có một người đàn ông tên là T. Khoảng trung tuần tháng 5/2019, Chu Văn M có người quen tên là L1 đến chơi và mời đi ăn cơm, K mời T đến ăn cơm cùng, Chu Văn M nhận ra T là người mà Chu Văn M đã gặp trước đó tại quán cơm của M. Thắng cho Chu Văn M biết nhà ở thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Khoảng đầu tháng 7/2019, T đến quán cơm của Chu Văn M lần 2, lần này T cho Chu Văn M biết T là người chuyên đưa người Việt Nam xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc theo đường mòn ở tỉnh Cao Bằng, nhưng hiện tại không đi được vì lực lượng chức năng làm chặt, T cho Chu Văn M biết muốn chuyển về đi theo đường mòn tại tỉnh Lạng Sơn, T đặt vấn đề bảo Chu Văn M là: khi nào có người đi Trung Quốc thì T sẽ cho họ số điện thoại của Chu Văn M, Chu Văn M sẽ đón những người này tại thành phố Lạng Sơn và đưa vào khu vực biên giới giáp Trung Quốc và gọi điện cho người của T đón rồi đưa theo đường mòn đi sang Trung Quốc, T sẽ trả cho M tiền công là 50.000đồng/01 người, Chu Văn M đồng ý.

Khoảng 08 giờ ngày 25/9/2019, Chu Văn M nhận được điện thoại của T thông qua Wechat cho biết ngày hôm nay sẽ có một số người đi Trung Quốc, T không cho Chu Văn M biết họ tên, địa chỉ mà chỉ nói lát nữa sẽ có người liên lạc với Mạnh và bảo Chu Văn M đón về quán cơm của Chu Văn M. Khoảng 11 giờ 20 phút ngày 25/9/2019, Nguyễn Văn M dùng tài khoản zalo “Nguyễn Quyết C” liên lạc với Chu Văn M thông qua tài khoản zalo có tên “M”, Nguyễn Văn M hỏi Chu Văn M có phải là người đưa người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, Chu Văn M nói phải, Nguyễn Văn M cho Chu Văn M biết là người của T có nhu cầu đi Trung Quốc, đang trên đường lên Lạng Sơn và hỏi đón tại đâu, Chu Văn M bảo Nguyễn Văn M đến ngã tư M thì vào quán cơm phở “M”.

Khoảng 12 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn M cùng vợ là Nguyễn Thị H đến quán cơm của Chu Văn M, Chu Văn M bảo cứ nghỉ ngơi ở đây. Khoảng 13 giờ cùng ngày, T điện thoại cho Chu Văn M nói còn có thêm 04 người nữa đang trên đường lên Lạng Sơn nhưng không cho biết rõ thông tin cụ thể, T bảo khi nào đón được thì thông báo cho T biết và hỏi có phải là người của P không (T không nói rõ cụ thể thông tin của P). Khoảng 17 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn T, Hoàng Thị H, Dương Văn T, Phùng Văn H đến quán cơm của Chu Văn M, lúc Chu Văn M nhận được điện thoại của T cho biết những người khách đi Trung Quốc đã đến quán cơm của M, M hỏi T, H, T1, H là có phải đi Trung Quốc không thì cả 04 người nói phải, M hỏi 04 người này có phải là người của P không (vì trước đó T cho Chu Văn M biết có 04 người khách của P), lúc này T và T cho biết

không phải người của P mà là người của D. Do T và T1 nói không phải là người của P nên Chu Văn M liên lạc báo cho T biết, Thắng cho Chu Văn M biết 04 người này là khách của D và chính là khách của T, đồng thời T bảo Chu Văn M thu tiền, trong đó thu đôi nam nữ đến trước mỗi người là 1.900.000 đồng, 04 người còn lại mỗi người thu 200.000 đồng. Do đã muộn, phía Trung Quốc không còn xe nên Chu Văn M bố trí cho 06 người nghỉ tại quán của Chu Văn M để hôm sau đưa sang Trung Quốc.

Khoảng 06 giờ, ngày 26/9/2019, Chu Văn M nhận được điện thoại của T bảo đưa 06 người lên khu vực cửa khẩu C, T sẽ bố trí người đón để đưa họ xuất cảnh trái phép đi theo đường mòn sang Trung Quốc. Khoảng 06 giờ 30 phút, Chu Văn M đã dùng xe ô tô loại 07 chỗ ngồi chở Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn T, Hoàng Thị H, Dương Văn T, Phùng Văn H đến khu vực cửa khẩu C để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Trên đường đi Chu Văn M đã thu của Nguyễn Văn M và Nguyễn Thị H mỗi người 1.900.000 đồng, còn Nguyễn Văn T, Hoàng Thị H, Dương Văn T, Phùng Văn H mỗi người Chu Văn M thu 200.000 đồng hoặc 60NDT, T và H đã mượn Phùng Văn H được 200NDT rồi nộp cho M, M bù lại tiền Việt Nam. Khi Chu Văn M chở 06 người này lên khu vực cửa khẩu C, T cho biết phía bên Trung Quốc, Biên phòng đang tuần tra nên không đi được. Sau đó Chu Văn M đã điện thoại cho Âu Chiến N và được N cho biết đường mòn phía xã B, huyện C đi được, M bảo N ra gần sân bóng thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn đón 06 khách đi sang Trung Quốc. Sau đó, N gặp Chu Văn M tại gần sân bóng Đ và đón 06 người lên xe ô tô của N để chở vào biên giới xã B, huyện C và đưa họ đi theo đường mòn xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, N sẽ được hưởng tiền công là 150.000 đồng/người, trong đó 50.000 đồng là tiền công đưa từ thị trấn Đ vào xã B và 100.000 đồng là tiền công đưa người đến biên giới để xuất cảnh sang Trung Quốc, nhưng M chưa trả tiền công cho N. Khi N đang chở 06 người này đến thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn thì bị lực lượng chức năng kiểm tra phát hiện bắt quả tang.

Ngoài ra, Chu Văn M và Âu Chiến N còn khai nhận trước đó còn tổ chức cho 03 công dân Việt Nam xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, cụ thể: Cuối tháng 7/2019 (không rõ ngày), Chu Văn M nhận được cuộc gọi từ số lạ (hiện nay không nhớ số) của một người đàn ông cho biết là người của T, hiện đang ở ngã tư M, thành phố L. Do đã được T dặn từ trước và biết người này đang có nhu cầu đi Trung Quốc nhưng không có giấy tờ xuất cảnh, Chu Văn M ra ngã tư M, thành phố L đón, khi đến nơi Chu Văn M điện thoại thì gặp một người đàn ông và có thêm hai người nữa đi cùng, (02 nam và 01 nữ). Chu Văn M hỏi có phải là người của T không thì 03 người này nói phải, Chu Văn M đã đưa cả ba về quán cơm của Chu Văn M, đồng thời thông báo qua Wechat cho T biết, T bảo Chu Văn M bố trí cho 03 người này ăn cơm rồi đưa sang Trung Quốc. Tiếp đó Chu Văn M đã liên lạc cho N và cho biết có 03 khách đang có nhu cầu xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, N bảo Chu Văn M đưa khách vào thôn N, xã B, huyện C để N đưa qua biên giới. Sau đó, Chu Văn M nhận được điện thoại của T bảo thu mỗi khách 50.000 đồng là tiền công của Chu Văn M, ngoài ra T bảo Chu Văn M ứng tiền trả trước cho N hộ T tiền công là 150.000 đồng/người.

Sau đó, Chu Văn M đưa 03 người khách này từ thành phố L đi vào xã B, huyện C, trên đường đi Chu Văn M đã thu tiền của mỗi người là 50.000 đồng và điện thoại cho N, N bảo Chu Văn M đưa người đến cầu N, xã C, huyện C. Khi đến điểm hẹn, Chu Văn M đã giao 03 khách này cho N để N đưa đi theo đường mòn xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, Chu Văn M cho Nam biết tiền công sẽ trả cho N sau. Sau khi nhận từ M 03 khách, N đã đưa 03 người này đi theo đường mòn đến biên giới Trung Quốc và gọi cho L là người Trung Quốc để L đón ở đường biên rồi đưa vào nội địa Trung Quốc. Khoảng đầu tháng 8/2019 N đã ra thành phố L và nhận 450.000 đồng tiền công với Chu Văn M.

Tại Bản án số 62/2020/HS-ST ngày 23-7-2020 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định: Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 348; Điều 15; Điều 54, khoản 3 Điều 57, điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Chu Văn M 04 năm 09 tháng tù; xử phạt bị cáo Âu Chiến N 04 năm 06 tháng tù về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép. Về hình phạt bổ sung: Xử phạt đối với bị cáo Chu Văn M 15.000.000 đồng; xử phạt đối với bị cáo Âu Chiến N 10.000.000 đồng. Về xử lý vật chứng: Tịch thu hoá giá sung ngân sách nhà nước 01 xe ô tô nhãn hiệu KENBO, màu đen, đã qua sử dụng. Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý các vật chứng khác, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo và những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Trong hạn luật định, bị cáo Chu Văn M kháng cáo xin giảm hình phạt và xin miễn hình phạt bổ sung. Bị cáo Âu Chiến N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt xuống còn 03 năm tù, xin miễn hình phạt bổ sung và trả lại cho bị cáo chiếc xe ô tô KENBO màu đen vì đây là tài sản chung của vợ chồng bị cáo.

Tại phiên tòa, các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo về phần hình phạt; rút kháng cáo về phần xin miễn hình phạt bổ sung; bị cáo Âu Chiến N giữ nguyên kháng cáo về việc trả lại chiếc xe ô tô.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lăng Thuý N có ý kiến: Nhất trí tham gia tại phiên tòa phúc thẩm và đề nghị Tòa án tuyên trả lại cho chị chiếc xe ô tô vì đây là tài sản chung của vợ chồng chị, việc chồng chị là anh Âu Chiến N dùng chiếc xe đó vào hành vi phạm tội chị không được biết.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Chu Văn M: Cấp sơ thẩm xét xử đúng người, đúng tội, không tranh luận. Tuy nhiên trong vụ án này người có tên T mới là kẻ chủ mưu, bị cáo chỉ là người làm thuê và phạm tội chưa đạt; có nhân thân tốt, ăn năn hối cải, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã nộp tiền hình phạt bổ sung, bị cáo là lao động chính, chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo và xử mức án 03 năm tù.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Âu Chiến N trình bày: Cấp sơ thẩm xử bị cáo mức án 04 năm 06 tháng là quá nghiêm khắc, bị cáo thực hiện với vai trò giúp sức, bị cáo sau khi phạm tội đã tự thú về hành vi phạm tội của bị cáo trước đó, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo là dân tộc thiểu số

sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn hành vi bị cáo phạm tội chưa đạt, cấp sơ thẩm chưa áp dụng hết tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo; sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã nộp tiền của hình phạt bổ sung; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xem xét trả lại ½ giá trị chiếc xe ô tô cho bị cáo.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Lăng Thúy N trình bày: Không nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát về xử lý vật chứng, vì chiếc xe là tài sản chung của vợ chồng, là phương tiện duy nhất kiếm sống của gia đình bị cáo. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử trả lại chiếc xe ô tô cho bị cáo hoặc ½ giá trị chiếc xe.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh: Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định nên là hợp lệ. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội Tổ chức đưa người khác xuất cảnh trái phép là đúng người, đúng tội, không oan. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng về nhân thân, tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ là 01 biên lai thu tiền phạt của Chu Văn M số tiền 14.850.000 đồng, Âu Chiến N số tiền 10.000.000 đồng, đây là tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự phát sinh tại cấp phúc thẩm; các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng. Vì vậy có căn cứ để chấp nhận kháng cáo về phần hình phạt đối với các bị cáo, cụ thể giảm hình phạt cho: Bị cáo Âu Chiến N xuống còn 03 năm 06 tháng tù, bị cáo Chu Văn M xuống còn 03 năm 09 tháng tù. Về chiếc xe ô tô nhãn hiệu KENBO, màu đen, đã qua sử dụng, nhận thấy mặc dù đây là tài sản chung của vợ chồng bị cáo Âu Chiến N, nhưng bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, cấp sơ thẩm đã quyết định tịch thu là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn về phần vật chứng đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu KENBO, màu đen, đã qua sử dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như nội dung của Bản án sơ thẩm. Do đó, có căn cứ để xác định: bị cáo Chu Văn M có hành vi tập hợp nhiều người (09 người), chuẩn bị thời gian, phương tiện, địa điểm để đưa người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc 02 lần (lần 01 đưa 03 người, lần 2 đưa 06 người). Bị cáo Âu Chiến N chủ động đặt vấn đề với Chu Văn M khi có người muốn xuất cảnh trái phép thì gọi trước cho Nam để Nam đưa sang biên giới, bị cáo đã cùng Mạnh đưa người xuất cảnh trái phép 02 lần, số lượng là 09 người để hưởng lợi ích vật chất. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào điểm b, c khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử

phạt các bị cáo Chu Văn M, Âu Chiến N về tội Tổ chức đưa người khác xuất cảnh trái phép là đúng người, đúng tội, không oan.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Chu Văn M, Âu Chiến N, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng về nhân thân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, cụ thể: Tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài lần phạm tội bị bắt quả tang, các bị cáo đã khai ra thêm 01 lần phạm tội trước đó nên được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ là tự thú tại điểm r, khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó, mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với các bị cáo là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ là 01 biên lai thu tiền phạt của Chu Văn M số tiền 14.850.000 đồng, Âu Chiến N số tiền 10.000.000 đồng chứng minh cho yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của mình. Đây là tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm mà các bị cáo được hưởng tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và không có tình tiết tăng nặng, nên Hội đồng xét xử có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, cần áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự, sửa một phần của Bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo Chu Văn M, Âu Chiến N.

[3] Xét kháng cáo miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền của các bị cáo Chu Văn M, Âu Chiến N, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Tại phiên tòa các bị cáo đã rút kháng cáo xin miễn hình phạt bổ sung, nên Tòa án đình chỉ phần kháng cáo này và xác nhận các bị cáo đã nộp đủ số tiền phạt bổ sung.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Âu Chiến N đề nghị trả lại chiếc xe ô tô nhãn hiệu KENBO, màu đen, đã qua sử dụng, Hội đồng xét xử nhận thấy, chiếc xe ô tô được xác định là tài sản chung của vợ chồng bị cáo Âu Chiến N, việc không đưa vợ bị cáo Âu Chiến N là chị Lăng Thuý N vào tham gia tố tụng là có thiếu sót của cấp sơ thẩm, nay cấp phúc thẩm đã khắc phục thiếu sót này. Đây là tài sản chung của vợ chồng, việc bị cáo Âu Chiến N dùng chiếc xe vào hành vi phạm tội chị Lăng Thuý N không biết, chiếc xe ô tô là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe sau khi đã hoá để sung ngân sách Nhà nước, trả lại cho chị Lăng Thuý N $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe sau khi đã hoá giá. Do đó, cần sửa một phần của Bản án sơ thẩm về vật chứng là chiếc xe ô tô nhãn hiệu KENBO, màu đen, đã qua sử dụng.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa, ý kiến nào phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận, ý kiến nào không phù hợp không được chấp nhận.

[6] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Chu Văn M, Âu Chiến N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm h khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội Khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[7] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b, đ khoản 1 Điều 355, điểm c, d khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ điểm b, c khoản 2, Điều 348; Điều 15; Điều 17; khoản 3, Điều 57, điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; điểm b, h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Chu Văn M, Âu Chiến N về phần hình phạt; chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Âu Chiến N về xử lý vật chứng là chiếc xe ô tô; sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 62/2020/HS-ST ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn về phần xử lý vật chứng, cụ thể:

1. Về hình phạt:

1.1. Xử phạt bị cáo Chu Văn M 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù về tội Tổ chức đưa người khác xuất cảnh trái phép. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án (được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/9/2019 đến 12/12/2019).

1.2. Xử phạt bị cáo Âu Chiến N 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Tổ chức đưa người khác xuất cảnh trái phép. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án (được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/9/2019 đến 12/12/2019).

2. Về hình phạt bổ sung: Đình chỉ phần yêu cầu xin miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo Chu Văn M. Xác nhận bị cáo Chu Văn M đã nộp số tiền phạt bổ sung 14.850.000 đồng (mười bốn triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số AA/2016/0000158, ngày 18/9/2020 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Lạng Sơn; đình chỉ phần yêu cầu xin miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo Âu Chiến N. Xác nhận bị cáo Âu Chiến N đã nộp số tiền phạt bổ sung 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) theo biên lai số AA/2016/0000159, ngày 21/9/2020 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Lạng Sơn.

3. Về xử lý vật chứng:

3.1. Tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước: 50% giá trị 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu KENBO, màu đen, đã qua sử dụng, số máy 13AJ07L60019, số khung:

01BJJDD00190 sau khi hoá giá và các giấy tờ kèm theo gồm: 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 019461, biển số đăng ký 12D - 002.95 mang tên Phạm Văn V do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 20/10/2018; 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số 6608602 của xe ô tô do Công ty cổ phần đăng kiểm xe cơ giới Lạng Sơn cấp ngày 20/10/2018; 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe ô tô số 004457666 của xe ô tô do Công ty B Lạng Sơn cấp ngày 22/10/2018; 01 (một) giấy bán xe ô tô giữa ông Vũ Xuân T và Âu Chiến N đề ngày 14/8/2019 (trước đó ông Vũ Xuân T đã mua lại chiếc xe này với Phạm Văn V); 01 (một) phiếu thu tiền, người nộp là Âu Chiến N của Công ty H đề ngày 14/8/2019;

3.2. Hoàn trả cho chị Lăng Thuý N 50% giá trị 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu KENBO, màu đen, đã qua sử dụng, số máy 13AJ07L60019, số khung: 01BJJDD00190, biển kiểm soát 12D - 002.95 sau khi hoá giá.

(Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 09 tháng 6 năm 2020).

4. Về án Phí: Các bị cáo Chu Văn M, Âu Chiến N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Về hiệu lực pháp luật: Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- PV06 Công an tỉnh Lạng Sơn;
- TAND H. Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND H. Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS H. C, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an H. Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Tổ HCTP, KTNV&THA;
- Lưu hồ sơ, Tòa hình sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Vi Đức Trí